

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2025/DS-PT
Ngày 18-8-2025
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản là
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Chiên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Anh, ông Phạm Tuấn Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Viết Xuân - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ:** Ông Hoàng Thanh Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 123/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất” do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/ST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng T - sinh năm 1977

Địa chỉ: Khu 7, xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu 7, xã Hiền Lương, tỉnh Phú Thọ)

(Có mặt)

Bị đơn: Bà Bùi Thị Bích A - sinh năm 1944, anh Nguyễn Thái B - sinh năm 1972 (Bà A và anh B là hai mẹ con. Bà A ủy quyền cho anh B)

Địa chỉ: Khu Gò Đình, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu G, xã H, tỉnh Phú Thọ)

(Anh B đề nghị xét xử vắng mặt)

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Văn T - sinh năm 1964, chị Hà Thị Q - sinh năm 1965

Địa chỉ: Phố Q, phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (Nay là Phố Quang Trung, phường Âu Cơ, tỉnh Phú Thọ)

Người đại diện theo ủy quyền của anh T, chị Q: Anh Nguyễn Thái B - sinh năm 1972. Địa chỉ: Khu Gò Đình, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu G, xã H, tỉnh Phú Thọ)

(Anh B đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Bích T - sinh năm 1974, anh Phạm Văn B - sinh năm 1957 (Anh B chị T là vợ chồng. Anh B ủy quyền cho chị T)

Địa chỉ: Số 10 L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội (Nay là nhà số 10 L, phường H, thành phố Hà Nội).

(Chị T đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Nhật M - sinh năm 2005

Địa chỉ: Khu 12, xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu 12, xã Hiền Lương, tỉnh Phú Thọ)

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Minh: Chị Nguyễn Hồng T - sinh năm 1977. Địa chỉ: Khu 7, xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu 7, xã Hiền Lương, tỉnh Phú Thọ).

(Chị T có mặt)

4. Chị Lại Thị Kiều A - sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu Đoàn Kết, xã Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ)

Người đại diện theo uỷ quyền của chị A: Anh Nguyễn Thái B - sinh năm 1972. Địa chỉ: Khu Gò Đình, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu G, xã H, tỉnh Phú Thọ)

(Anh B đề nghị xét xử vắng mặt)

5. UBND huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND huyện Cẩm Khê là ông N - Chủ tịch UBND xã H). Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Ông Nguyễn Trọng P, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã H.

(Ông Phú đề nghị xét xử vắng mặt)

6. UBND xã H, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện hợp pháp của UBND xã Việt Hùng: Ông Nguyễn Trọng P - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã H.

(Ông P đề nghị xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Hồng T - Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh T kết hôn năm 2005 tại UBND xã Xuân Áng, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, có một con chung là Nguyễn Nhật M - sinh ngày 25/11/2005. Ngoài cháu M thì chị và anh T1 không có người con chung hay con nuôi nào khác.

Bố mẹ của anh T2 là ông Nguyễn Bá N (Chết năm 1999) và bà Bùi Thị Bích A có 03 người con là anh Nguyễn Thái B, chị Nguyễn Thị Bích T, anh Nguyễn Thanh T (là chồng chị T) và 01 người con nuôi là anh Phạm Văn T. Ngoài những người con này, ông N và Bà A không có người con chung hay con nuôi nào khác.

Ông N, Bà A và anh T2 có tài sản là các thửa đất, hiện anh T2 đã chết nên chị đề nghị chia di sản thừa kế của anh T2 như sau:

1. Thửa đất số 143 tờ bản đồ số 2B diện tích 800,0m² tại khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu G, xã H, tỉnh Phú Thọ). Trên đất có một ngôi nhà mái bằng và cây trồng trên đất. Đến khoảng tháng 9/1999 thửa đất này được UBND huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Bùi Thị Bích A.

Năm 2016, Bà A tặng cho cho anh Nguyễn Thái B và chị Lại Thị Kiều A thửa đất số 143 và toàn bộ tài sản trên đất. Ngày 14/11/2016, anh B và chị A được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 31/12/2020 UBND huyện Cẩm Khê cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh B chị A, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là CK751258 và chuyển đổi thửa đất số 143 tờ bản đồ số 2B thành thửa đất số 29 tờ bản đồ số 17.

Quá trình giải quyết vụ án, chị và các đồng thừa kế đã thỏa thuận thống nhất phân chia như sau: Chia cho chị và cháu M cùng đứng tên sử dụng diện tích đất 110,0m² (trong đó có 50,0m² đất ở, 60,0m² đất trồng cây lâu năm) có một cạnh chiều ngang tiếp với đường đi dài 5m, vị trí diện tích đất về phía tiếp giáp đất nhà bà Vũ Thị L. Diện tích đất còn lại giao cho anh B chị A được quyền sử dụng; đối với toàn bộ tài sản gắn liền trên đất, phần diện tích đất của ai được chia mà có tài sản trên đất thì người đó được sở hữu, sử dụng, riêng lưới sắt B40 quay chuồng gà và 01 cây sấu to trên phần diện tích đất chia cho chị và cháu M thì anh B được quyền tháo dỡ, chặt cây để sử dụng. Chị và cháu M, anh B, chị A không ai phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ai.

2. Đối với các thửa đất nuôi trồng thủy sản và đất trồng lúa nước gồm: Thửa đất số 454 tờ bản đồ số 18 diện tích 521,0m², thửa đất số 39 tờ bản đồ số 23 diện tích 421,4m² và thửa đất số 181 tờ bản đồ số 29 diện tích 140,7m² đều tại

khu 6, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu G, xã H, tỉnh Phú Thọ) đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA605032 ngày 30/6/2021 đứng tên người sử dụng đất là hộ bà Bùi Thị Bích A.

Quá trình giải quyết vụ án, chị và các đồng thừa kế đã thỏa thuận thống nhất phân chia như sau: Chị và cháu M được cùng đứng tên sử dụng thửa đất số 39 tờ bản đồ số 23 diện tích 421,4m²; Bà A được sử dụng thửa đất số 454 tờ bản đồ số 18 diện tích 521,0m² và thửa đất số 181 tờ bản đồ số 29 diện tích 140,7m². Chị và cháu M, Bà A không ai phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ai.

3. Đối với các thửa đất ở gồm: Thửa đất số 1476 tờ bản đồ số 05 (nay là thửa đất số 29, tờ bản đồ số 19) diện tích 120,0m², thửa đất số 1477 tờ bản đồ số 05 (nay là thửa đất số 32, tờ bản đồ số 19) diện tích 120,0m², thửa đất số 1478 tờ bản đồ số 05 (nay là thửa đất số 33, tờ bản đồ số 19) diện tích 120,0m² và thửa đất số 1479 tờ bản đồ số 05 (nay là thửa đất số 34, tờ bản đồ số 19) diện tích 120,0m² đều là loại đất ở nông thôn, địa chỉ 04 thửa đất là khu B, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là Bãi San Ủi Hanh Cù, xã H, tỉnh Phú Thọ). Ngày 23/8/2004 UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 04 thửa đất trên đứng tên người sử dụng là hộ bà Bùi Thị Bích A. Nguồn gốc 04 thửa đất này là hộ gia đình Bà A nhận chuyển nhượng ngày 20/3/2004. Thời điểm nhận chuyển nhượng 04 thửa đất, trong hộ gia đình Bà A gồm có Bà A và anh T2 nên 4 thửa đất này là tài sản chung của Bà A và anh T2. Đến ngày 28/7/2010 Bà A đã chuyển nhượng thửa đất số 1476 và thửa đất số 1477 cho anh Nguyễn Thái B chị Lại Thị Kiều A và chuyển nhượng thửa đất số 1478 và thửa đất số 1479 cho anh Phạm Văn B chị Nguyễn Thị Bích T. Ngày 18/10/2010 UBND huyện Cẩm Khê đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Thái B chị Lại Thị Kiều A và anh Phạm Văn B chị Nguyễn Thị Bích T. Khi Bà A chuyển nhượng các thửa đất trên, anh T2 vẫn còn sống nhưng anh T2 không biết việc chuyển nhượng này. Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế đối với các thửa đất này cho chị, cháu M và Bà A theo quy định của pháp luật.

4. Đối với thửa đất số 116a tờ bản đồ số 4b diện tích 296,0m² (trong đó đất ONT là 133,0m², đất LNK là 163,0m²) tại khu Xó Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là xã H, tỉnh Phú Thọ). Nay chị không đề nghị giải quyết thửa đất này nên rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia thừa kế thửa đất này.

Bị đơn là anh Nguyễn Thái B và bà Bùi Thị Bích A (Bà A ủy quyền cho anh B) trình bày:

Về mối quan hệ gia đình: Mối quan hệ giữa Bà A và anh B và các con của Bà A như chị T đã trình bày. Ngoài những người con như chị T trình bày thì ông N và Bà A không có người con nào khác.

Về tài sản tranh chấp:

1. Thửa đất số 143 tờ bản đồ số 2B diện tích 800,0m² tại khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu G, xã H, tỉnh Phú Thọ), Bà A đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số Q238942. Năm 2016 ông N chết thì Bà A tặng cho anh B, chị A thửa đất này. Ngày 14/11/2016 UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số CD861845 đứng tên người sử dụng đất là anh B, chị A. Ngày 31/12/2020 UBND huyện Cẩm Khê cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới là CK751258, chuyển đổi thửa đất số 143 tờ bản đồ số 2B thành thửa đất số 29 tờ bản đồ số 17 đứng tên chủ sử dụng đất là anh Nguyễn Thái B và chị Lại Thị Kiều A. Quá trình giải quyết vụ án, chị T và những người được hưởng di sản thừa kế đã thỏa thuận thống nhất là chia cho chị T và cháu M cùng đứng tên sử dụng diện tích đất 110,0m² (trong đó có 50,0m² đất ở, 60,0m² đất cây lâu năm), vị trí diện tích đất là giáp với thửa đất nhà bà Vũ Thị L; diện tích đất còn lại giao cho anh B, chị A sử dụng; chị T, cháu M, anh B và chị A không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ai.

2. Thửa đất số 454 tờ bản đồ số 18 diện tích 521,0m², thửa đất số 39 tờ bản đồ số 23 diện tích 421,4m² và thửa đất số 181 tờ bản đồ số 29 diện tích 140,7m² tại khu 6, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu G, xã H, tỉnh Phú Thọ) đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên người sử dụng là hộ bà Bùi Thị Bích A. Quá trình giải quyết vụ án, chị T và các đồng thừa kế đã thỏa thuận thống nhất là chia cho chị T và cháu M cùng sử dụng thửa đất số 39 tờ bản đồ số 23; Bà A sử dụng thửa đất số 454 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 181 tờ bản đồ số 29; Bà A, chị T và anh Minh không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ai.

3. Thửa đất số 1476 tờ bản đồ số 05 diện tích 120,0m² tại khu B, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã H, tỉnh Phú Thọ), ngày 20/3/2004 chị Tính chuyển nhượng cho Bà A, sau đó Bà A chuyển nhượng lại cho anh B, chị A. Ngày 18/10/2010 UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên cho anh B, chị A. Ngày 26/5/2021 UBND huyện Cẩm Khê cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng cho anh B chị A, chuyển đổi thửa đất số 1476 tờ bản đồ số 05 thành thửa đất số 29 tờ bản đồ số 19. Nguồn gốc thửa đất này là do anh B đi làm ăn xa đã gửi tiền về nhờ Bà A mua của chị Bùi Thị T và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Bà A. Bà A xác định thửa đất này là anh B, chị A nhờ Bà A mua và đứng tên hộ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thửa đất này là tài sản của anh B chị A. Nay chị T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất này thì Bà A và anh B không đồng ý.

4. Thửa đất số 1477 tờ bản đồ số 05 diện tích 120,0m² tại khu B, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã H, tỉnh Phú Thọ), ngày 20/3/2004 anh Tuấn

chuyển nhượng thửa đất này cho Bà A, sau đó Bà A chuyển nhượng lại cho anh B, chị A. Ngày 18/10/2010 UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho anh B, chị A. Ngày 26/5/2021 UBND huyện Cẩm Khê cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh B, chị A, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là DA605133, chuyển đổi thửa đất số 1477 tờ bản đồ số 05 thành thửa đất số 32 tờ bản đồ số 19. Nguồn gốc thửa đất này là do anh B chị A đi làm ăn xa nhà nên đã gửi tiền về nhờ Bà A mua của anh Nguyễn Văn T và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Bà A, Bà A xác định thửa đất này là anh B, chị A nhờ Bà A mua và đứng tên hộ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thửa đất này là tài sản của anh B chị A. Nay chị T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất này thì Bà A và anh B không đồng ý.

5. Thửa đất số 1478 tờ bản đồ số 05 diện tích 120,0m² tại khu B, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là xã H, tỉnh Phú Thọ), ngày 20/4/2004 anh Nguyễn Văn H2 chuyển nhượng cho Bà A, sau đó Bà A chuyển nhượng lại cho anh Phạm Văn B, chị Nguyễn Thị Bích T. Ngày 18/10/2010 UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho chị Nguyễn Thị Bích T. Ngày ngày 26/5/2021 UBND huyện Cẩm Khê cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Phạm Văn B, chị Nguyễn Thị Bích T, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là CX565865, chuyển đổi thửa đất số 1478 tờ bản đồ số 05 thành thửa đất số 33 tờ bản đồ số 19. Nguồn gốc thửa đất này là do chị T đi làm ăn xa nên đã gửi tiền về nhờ Bà A mua của anh H2 và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Bà A nên thửa đất này là tài sản của Anh B chị T. Nay chị T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất này thì Bà A không đồng ý.

6. Thửa đất số 1479 tờ bản đồ số 05 diện tích 120,0m² tại khu B, xã Tình Cương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã H, Phú Thọ), ngày 20/3/2004 anh Nguyễn Văn H2 chuyển nhượng cho Bà A, sau đó Bà A chuyển nhượng lại cho chị Nguyễn Thị Bích T và anh Phạm Văn B. Ngày 18/10/2010 UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho chị Nguyễn Thị Bích T, anh Phạm Văn B. Ngày 26/5/2021 UBND huyện Cẩm Khê cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng cho chị Nguyễn Thị Bích T, anh Phạm Văn B, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là CX565864, chuyển đổi thửa đất số 1479 tờ bản đồ số 05 thành thửa đất số 34 tờ bản đồ số 19. Nguồn gốc thửa đất này là do chị T đi làm ăn xa đã gửi tiền về nhờ Bà A mua của anh H3 và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Bà A nên thửa đất này là của Anh B, chị T. Nay chị T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất này thì Bà A không đồng ý.

7. Thửa đất số 116a tờ bản đồ số 4b diện tích 296,0m² tại khu Xó Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu X, xã H, tỉnh Phú Thọ). UBND huyện Cẩm

Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 744772 ngày 06/6/2013 đứng tên người sử dụng đất là bà Bùi Thị Bích A. Ngày 26/5/2021 UBND huyện Cẩm Khê cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thị Bích A, chuyển đổi thửa đất số 116a tờ bản đồ số 4b thành thửa đất số 112 tờ bản đồ số 8. Nay chị T rút yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất này thì Bà A đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Bích T và anh Phạm Văn B (Anh B ủy quyền cho chị T) trình bày:

Về mối quan hệ gia đình như chị T đã trình bày, ngoài những người con này ông N Bà A không có người con nào khác.

Về tài sản tranh chấp:

Thửa đất số 143 tờ bản đồ số 2B diện tích 800,0m² tại khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu G, xã H, tỉnh Phú Thọ), ngày 14/11/2016 UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số CĐ 861845 đứng tên người sử dụng đất là anh B, chị A. Ngày 31/12/2020 UBND huyện Cẩm Khê cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK751258, chuyển đổi thửa đất số 143 tờ bản đồ số 2B đổi thành thửa đất số 29, tờ bản đồ số 17. Quá trình giải quyết vụ án, các đồng thừa kế đã thỏa thuận thống nhất là chia cho chị T và cháu M cùng đứng tên sử dụng diện tích đất 110,0m² (trong đó có 50,0m² đất ở, 60,0m² đất trồng cây lâu năm), vị trí diện tích đất là giáp với thửa đất nhà bà Vũ Thị L; diện tích đất còn lại giao cho anh B, chị A được quyền sử dụng; chị T, cháu M, anh B và chị A không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ai. Anh B và chị T nhất trí về việc các đồng thừa kế tự phân chia thửa đất này.

Các thửa đất số 454 tờ bản đồ số 18 diện tích 521,0m², thửa đất số 39 tờ bản đồ số 23 diện tích 421,4m² và thửa đất số 181 tờ bản đồ số 29 diện tích 140,7m² tại khu 6, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu G, xã H, tỉnh Phú Thọ) đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên người sử dụng là hộ bà Bùi Thị Bích A. Quá trình giải quyết vụ án, các đồng thừa kế đã thỏa thuận thống nhất là: Chị T và cháu M được cùng đứng tên sử dụng thửa đất số 39 tờ bản đồ số 23 diện tích 421,4m²; Bà A được sử dụng thửa đất số 454 tờ bản đồ số 18 diện tích 521,0m² và thửa đất số 181 tờ bản đồ số 29 diện tích 140,7m². Chị T và cháu M, Bà A không ai phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ai. Anh B và chị T nhất trí về việc các đồng thừa kế tự phân chia thửa đất này.

Thửa đất số 1478 tờ bản đồ số 05 diện tích 120m² tại khu B, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là khu B, xã H, tỉnh Phú Thọ), ngày 20/4/2004 anh Nguyễn Văn H2 chuyển nhượng cho Bà A, sau đó Bà A chuyển nhượng lại cho anh Phạm Văn B, chị Nguyễn Thị Bích T. Ngày 18/10/2010 UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị Bích T. Ngày ngày

26/5/2021 UBND huyện Cẩm Khê cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Phạm Văn B, chị Nguyễn Thị Bích T, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là CX565865, đã chuyển đổi thửa đất số 1478 tờ bản đồ số 05 thành thửa đất số 33 tờ bản đồ số 19. Nguồn gốc thửa đất này là do chị T đi làm ăn xa nên đã gửi tiền về nhờ Bà A mua của anh H2 và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Bà A nên thửa đất này là tài sản của Anh B chị T. Nay anh chị xác định thửa đất này là tài sản của chị T, Anh B nên không nhất trí yêu cầu khởi kiện của chị T về chia di sản thừa kế đối với thửa đất này.

Thửa đất số 1479 tờ bản đồ số 05 diện tích 120,0m² tại khu B, xã Tình Cương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (Nay là Bãi San Ủi Hanh Cù, xã H, tỉnh Phú Thọ), ngày 20/3/2004 anh Nguyễn Văn H2 chuyển nhượng cho Bà A, sau đó Bà A chuyển nhượng lại cho anh chị. Ngày 18/10/2010 UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho anh chị là Nguyễn Thị Bích T và Phạm Văn B. Ngày 26/5/2021 UBND huyện Cẩm Khê cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng cho anh chị, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là CX565864, đổi thửa đất số 1479 tờ bản đồ số 05 thành thửa đất số 34 tờ bản đồ số 19. Nguồn gốc thửa đất này là do chị T đi làm ăn xa đã gửi tiền về nhờ Bà A mua của anh H3 và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Bà A. Anh chị xác định thửa đất này là của anh chị nên không nhất trí yêu cầu khởi kiện của chị T về chia di sản thừa kế đối với thửa đất này.

Đối với thửa đất 1476 và thửa đất số 1477 tại khu B, xã Tình Cương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (Nay là Bãi San Ủi Hanh Cù, xã H, tỉnh Phú Thọ) hiện nay đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh B chị A, theo anh chị hai thửa đất này là của anh B chị A vì anh B chị A là người trả tiền mua đất, Bà A chỉ là đứng hộ tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay chị T khởi kiện yêu cầu chia hai thửa đất này thì anh chị không nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Thửa đất số 116a tờ bản đồ số 4b diện tích 296,0m² tại khu xóm Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu X, xã H, tỉnh Phú Thọ). Ngày 06/6/2013 UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 744772 đứng tên người sử dụng đất là bà Bùi Thị Bích A. Ngày 26/5/2021 UBND huyện Cẩm Khê cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thị Bích A, đã đổi số thửa đất 116a tờ bản đồ số 4b thành thửa đất số 112 tờ bản đồ số 8. Nay chị T không yêu cầu giải quyết chia di sản thừa kế đối với thửa đất này thì anh chị đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lại Thị Kiều A, anh Phạm Văn T, chị Hà Thị Q ủy quyền cho anh Nguyễn Thái B trình bày:

Về mối quan hệ trong gia đình như chị T đã trình bày. Ngoài những người con như chị T trình bày thì ông N Bà A không có người con nào khác. Đối với tài

sản tranh chấp thì chị A, anh T và chị Q nhất trí với nội dung anh Nguyễn Thái B đã trình bày; chị A, anh T và chị Q không có đề nghị gì khác. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Nhật M ủy quyền cho chị Nguyễn Hồng T trình bày: Cháu M nhất trí theo như ý kiến của chị T đã trình bày. Ngoài ra cháu M không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện Cẩm Khê do ông Nguyễn Văn T là người được ủy quyền trình bày:

Thửa đất số 143 tờ bản đồ số 2B diện tích 800,0m² tại khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu G, xã H, tỉnh Phú Thọ), đã được UBND huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q238942 ngày 24/9/1999 đứng tên hộ bà Bùi Thị Bích A. Ngày 05/7/2016 Bà A tặng cho anh Nguyễn Thái B, chị Lại Thị Kiều A thửa đất này. Đến ngày 14/11/2016, anh B và chị A đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 31/12/2020 UBND huyện Cẩm Khê cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 751258, đổi tên thửa đất số 143 tờ bản đồ số 2B thành thửa đất số 29 tờ bản đồ số 17 đứng tên chủ sử dụng đất anh Nguyễn Thái B và chị Lại Thị Kiều A.

Thửa đất số 1476 tờ bản đồ số 05 diện tích 120,0m² tại khu B, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là Bãi San Ủi Hanh Cù, xã H, tỉnh Phú Thọ). Nguồn gốc thửa đất này là ngày 28/8/2003 UBND huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ cấp cho hộ bà Bùi Thị T. Ngày 17/5/2004 hộ bà Tính chuyển nhượng lại cho bà Bùi Thị Bích A. Đến năm 2010, Bà A tặng cho lại cho anh B, chị A, ngày 18/10/2010 UBND huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh B, chị A. Ngày 26/5/2021 UBND huyện Cẩm Khê cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Bình, Bà Ah, đổi thửa đất số 1476 tờ bản đồ số 05 thành thửa đất số 29 tờ bản đồ số 19.

Thửa đất số 1477 tờ bản đồ số 05 diện tích 120,0m² tại khu B, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là Bãi San Ủi Hanh Cù, xã H, tỉnh Phú Thọ). Nguồn gốc thửa đất này là ngày 28/8/2003 UBND huyện Cẩm Khê cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T; ngày 20/3/2004 hộ ông Tuấn chuyển nhượng lại cho Bà A. Đến năm 2010 Bà A tặng cho anh B, chị A. Ngày 18/10/2010 UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh B, chị A. Ngày 26/5/2021 UBND huyện Cẩm Khê cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bình, Bà Ah, đổi thửa đất số 1477 tờ bản đồ số 05 thành thửa đất số 32 tờ bản đồ số 19.

Thửa đất số 1478 tờ bản đồ số 5 diện tích 120,0m² tại khu B, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là Bãi San Ủi Hanh Cù, xã H, tỉnh Phú Thọ). Ngày 28/8/2003 UBND huyện Cẩm Khê cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H2, ngày 20/3/2004 hộ ông

Hạnh chuyển nhượng lại cho Bà A. Đến năm 2010 Bà A tặng cho chị Nguyễn Thị Bích T, ngày 18/10/2010 UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị T. Ngày 26/5/2021 UBND huyện Cẩm Khê cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị Bích T, chuyển đổi thửa đất 1478 tờ bản đồ số 05 thành thửa đất số 33 tờ bản đồ số 19 và đứng tên người sử dụng là chị Nguyễn Thị Bích T, anh Phạm Văn B.

Thửa đất số 1479 tờ bản đồ số 5 diện tích 120,0m² tại khu B, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là Bãi San Ủi Hanh Cù, xã H, tỉnh Phú Thọ). Ngày 28/8/2003 UBND huyện Cẩm Khê cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H2, sau đó hộ ông Hùng chuyển nhượng lại cho Bà A. Đến năm 2010 Bà A tặng cho chị T, Anh B thửa đất này. Ngày 18/10/2010 UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị T, Anh B. Ngày 26/5/2021 UBND huyện Cẩm Khê cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị Bích T và anh Phạm Văn B, chuyển đổi thửa đất số 1479 tờ bản đồ số 05 thành thửa đất số 34 tờ bản đồ số 19.

Thửa đất số 116a tờ bản đồ số 4b diện tích 296,0m² tại khu xóm Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu X, xã H, tỉnh Phú Thọ). Nguồn gốc thửa đất này là ông Trần Văn Khải chuyển nhượng cho bà Bùi Thị Bích A. Ngày 06/6/2013 Bà A được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 744772. Ngày 26/5/2021 UBND huyện Cẩm Khê cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thị Bích A, chuyển đổi thửa đất số 116a tờ bản đồ số 4b thành thửa đất số 112 tờ bản đồ số 8.

Đối với các thửa đất nuôi trồng thủy sản và trồng lúa nước gồm:

Thửa đất số 454 tờ bản đồ số 18 diện tích 521,0m² tại khu 6, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu 6, xã H, tỉnh Phú Thọ). Loại đất nuôi trồng thủy sản. Thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2063.

Thửa đất số 39 tờ bản đồ số 23 diện tích 421,4m² tại khu 6, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là khu G, xã H, tỉnh Phú Thọ). Loại đất chuyên trồng lúa nước. Thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2063.

Thửa đất số 181 tờ bản đồ số 29 diện tích 140,7m² tại khu 6, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu G, xã H, tỉnh Phú Thọ). Loại đất chuyên trồng lúa nước. Thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2063.

Các thửa đất này được UBND huyện Cẩm Khê cấp chung trong một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 605032 ngày 30/6/2021, đứng tên người sử dụng đất là hộ bà Bùi Thị Bích A. Nguồn gốc các thửa đất này là UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Bùi Thị Bích A vào ngày 24/9/1999, cấp theo Nghị định 64 của Chính phủ cho các nhân khẩu trong hộ Bà A tại thời điểm ngày 24/9/1999. Đến ngày 30/6/2021, hộ bà Bùi Thị Bích

A được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 03 thửa đất ruộng trên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng T, quan điểm của UBND huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã H do người đại diện là ông Nguyễn Khắc H trình bày:

Thửa đất số 1476 (nay là thửa đất số 29, tờ bản đồ số 19), địa chỉ thửa đất: Khu 6, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu S, xã H, tỉnh Phú Thọ) có diện tích 120,0m², đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/8/2003 cho hộ bà Bùi Thị T. Ngày 17/5/2004 bà Tính đã làm hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên cho bà Bùi Thị Bích A. Đến năm 2010, Bà A chuyển nhượng lại thửa đất trên cho anh Nguyễn Thái B và chị Lại Thị Kiều A. Anh B, chị A đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2021, cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh B, chị A.

Thửa đất số 1477 (nay là thửa đất số 32, tờ bản đồ số 19), địa chỉ thửa đất: Khu 6, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu S, xã H, tỉnh Phú Thọ) có diện tích 120,0m², đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/8/2003 cho anh Nguyễn Văn T. Ngày 20/3/2004, anh Tuấn làm hợp đồng chuyển nhượng lại cho bà Bùi Thị Bích A. Đến năm 2010, Bà A chuyển nhượng lại thửa đất trên cho anh Nguyễn Thái B và chị Lại Thị Kiều A. Anh B, chị A đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2021 cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh B, chị A.

Thửa đất số 1478 (nay là thửa đất số 33, tờ bản đồ số 19), địa chỉ thửa đất: Khu 6 xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu S, xã H, tỉnh Phú Thọ) có diện tích 120,0m², đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/8/2003 cho anh Nguyễn Văn H2. Ngày 20/3/2004 anh H2 làm hợp đồng chuyển nhượng cho bà Bùi Thị Bích A. Đến năm 2010, Bà A chuyển nhượng lại thửa đất trên cho chị Nguyễn Thị Bích T. Chị T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2021, cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị Bích T và anh Phạm Văn B.

Thửa đất số 1479 (nay là thửa đất số 34, tờ bản đồ số 19), địa chỉ thửa đất: Khu 6 xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu S, xã H, tỉnh Phú Thọ) có diện tích 120,0m², đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/8/2003 cho ông Nguyễn Văn H2. Ngày 20/3/2004 ông Hùng làm hợp đồng chuyển nhượng cho bà Bùi Thị Bích A. Đến năm 2010, Bà A chuyển nhượng lại thửa đất trên cho chị Nguyễn Thị Bích T và anh Phạm Văn B. Chị T, Anh B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2021,

cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị Bích T và anh Phạm Văn B.

Bốn thửa đất trên vào năm 2003, UBND huyện Cẩm Khê và UBND xã Tình Cương (nay là UBND xã H) giao đất ở cho các hộ gia đình sử dụng đất và có thu tiền sử dụng đất. Ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị T, ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Văn H2 đều có mối quan hệ anh em họ hàng với ông N, Bà A. Sau khi 04 hộ trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đều đã chuyển nhượng lại cho Bà A. UBND huyện Cẩm Khê và UBND xã Tình Cương đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bà A đúng theo quy định của pháp luật. Thời điểm năm 2003, 2004, các hợp đồng chuyển nhượng từ các hộ trên chỉ chuyển nhượng cho Bà A, không liên quan gì đến anh T2 hay bất cứ ai khác. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Bà A đã tặng cho quyền sử dụng đất cho anh B, chị A, chị T, Anh B là đúng quy định của pháp luật. Từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay, các thửa đất 1476 và 1477 do anh B, chị A quản lý sử dụng, các thửa đất 1478 và 1479 do chị T, Anh B quản lý sử dụng. Nay chị T khởi kiện chia thừa kế tài sản là các thửa đất trên đối với Bà A anh B, quan điểm của chính quyền địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng là chị Bùi Thị T trình bày:

Thửa đất số 1476 tờ bản đồ số 05 diện tích 120,0m² tại khu San Ủi Hanh Cù, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Theo kế hoạch cắm đất giãn dân của UBND xã Tình Cương (Nay là xã H) và UBND huyện Cẩm Khê, gia đình chị đủ điều kiện được cắm đất nhưng vì lúc đó chị không có tiền nên chị đã vay tiền của anh Nguyễn Thái B để nộp tiền cắm đất. Sau đó chị không có tiền để trả cho anh B nên chị đã thỏa thuận chuyển nhượng lại cho anh Nguyễn Thái B thửa đất của chị được cắm. Vì lúc đó anh B đi làm ăn xa, được sự đồng ý của anh B nên chị đã làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất cho Bà A để đứng tên hộ anh B, mọi chi phí tiền nong là anh B thanh toán cho chị. Thửa đất đó đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị ngày 28/8/2003, sau đó chị chuyển nhượng lại cho Bà A. Đến năm 2010, Bà A chuyển nhượng lại thửa đất trên cho anh B, ngày 18/10/2010 anh B được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị xác định thửa đất này là của anh B.

Người làm chứng là anh Nguyễn Anh T trình bày:

Thửa đất số 1477 tờ bản đồ số 05 diện tích 120,0m² tại khu San Ủi Hanh Cù, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Theo kế hoạch cắm đất giãn dân của UBND xã Tình Cương (Nay là xã H) và UBND huyện Cẩm Khê, anh đủ điều kiện cắm đất nhưng lúc đó anh không có tiền nộp nên anh đã vay tiền của anh B để nộp tiền cắm đất. Sau đó anh không có tiền trả cho anh B nên anh thỏa thuận với anh B là anh chuyển nhượng lại thửa đất cho anh B. Do anh B đi làm ăn xa và được sự

đồng ý của anh B nên anh đã chuyển nhượng cho Bà A, mọi chi phí tiền nong là anh B thanh toán cho anh. Thửa đất đó đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh vào ngày 28/8/2003 sau đó anh chuyển nhượng lại thửa đất cho Bà A. Đến năm 2010 Bà A chuyển lại cho anh B, anh B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/10/2010. Chị xác định thửa đất này là của anh B.

Người làm chứng là chị Nguyễn Thị T (vợ anh Nguyễn Văn H2) trình bày:

Chị Tịch là vợ của anh Nguyễn Văn H2 (anh H3 chết năm 2022). Bà Bùi Thị Bích A là thím chồng của chị. Anh Nguyễn Văn H2 có đứng tên chủ sử dụng thửa đất số 1479 tờ bản đồ số 5 diện tích 120,0m² tại khu 6, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là khu S, xã H, tỉnh Phú Thọ), đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/8/2003. Nguồn gốc diện tích đất trên chị được biết là khi anh H3 được cấp đất thì không có tiền nộp nên hỏi vay chị T để nộp, sau khi được cấp đất thì anh H3 không có tiền trả chị T nên đã chuyển nhượng thửa đất này cho chị T, do chị T bảo làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Bà A nên đã làm hợp từ anh H3 sang Bà A.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/ST-DS ngày 17/9/2024 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số 01/2024/QĐ-SCBSBA ngày 07/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ) đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 147, Điều 157, Điều 58, Điều 164, Điều 165, khoản 1, điểm b khoản 2, Điều 227, Điều 228, khoản 2 điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 634, Điều 635, Điều 636, Điều 637, Điều 638, Điều 639, Điều 677, Điều 678, Điều 678, Điều 679 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 631, Điều 632, Điều 633, Điều 634, Điều 635, Điều 636, Điều 674, Điều 675, Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 653, khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12, điểm a khoản 7 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng T về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc phân chia đối với thửa đất số 143, tờ bản đồ số 2B (nay là thửa đất số 29, tờ bản đồ số 17), diện tích là 889,4m² (trong đó có 400,0m² đất ở và 489,4m² đất trồng cây lâu năm), đã được

UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK751258 cho anh Nguyễn Thái B và chị Lại Thị Kiều A ngày 31/12/2020. Đo đạc thực tế là 873,5m².

Giao cho chị Nguyễn Hồng T và cháu Nguyễn Nhật M được cùng đứng tên quyền sử dụng diện tích đất 110,0m² (trong đó có 50,0m² đất ở, 60,0m² đất trồng cây lâu năm) phía giáp đất nhà bà Vũ Thị L theo chỉ giới 1, 1A, 8A, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2, 1 trị giá 47.000.000 đồng (Theo sơ đồ đo vẽ hiện trạng diện tích đất ngày 24/8/2023 đính kèm bản án).

Giao cho anh Nguyễn Thái B và chị Lại Thị Kiều A được quyền sử dụng diện tích đất 763,5m² (có 350,0m² đất ở và 413,5m² đất trồng cây lâu năm), theo chỉ giới 1A, 8A, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 1A (Theo sơ đồ đo vẽ hiện trạng diện tích đất ngày 24/8/2023 đính kèm bản án). Trong đó, diện tích đất của bà Bùi Thị Bích A tặng cho anh B, chị A trước đó là 436,75m² (có 200m² đất ở và 236,75m² đất trồng cây lâu năm) trị giá 187.350.000 đồng; diện tích đất của ông Nguyễn Bá N chia cho anh B, chị A được sử dụng là 326,75m² (trong đó có 150,0m² đất ở và 176,75m² đất trồng cây lâu năm) trị giá 140.350.000 đồng.

Đối với tài sản gắn liền trên đất các bên đương sự đã tự thỏa thuận và đều không yêu cầu xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc phân chia đối với các thửa đất trồng lúa nước và đất nuôi trồng thủy sản (gồm các thửa đất số 454, thửa đất số 39, thửa đất số 181) được UBND huyện Cẩm Khê cấp chung trong một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA605032 ngày 30/6/2021, đứng tên chủ sử dụng đất là hộ bà Bùi Thị Bích A.

Giao cho Bà A được quyền sử dụng các thửa đất gồm:

Thửa đất số 454 tờ bản đồ số 18 diện tích 521,0m², địa chỉ: Khu 6, xã Tình Cương (nay là khu G, xã H), huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Loại đất nuôi trồng thủy sản. Thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2063. Trị giá là: 39.075.000 đồng (Ba mươi chín triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Theo sơ đồ đo vẽ hiện trạng diện tích đất ngày 24/8/2023 đính kèm bản án.

Thửa đất số 181 tờ bản đồ số 29 diện tích 140,7m², địa chỉ: Khu 6, xã Tình Cương (nay là khu G, xã H), huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Loại đất chuyên trồng lúa nước. Thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2063. Trị giá là: 10.552.500 đồng (Mười triệu năm trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng). Theo sơ đồ đo vẽ hiện trạng diện tích đất ngày 24/8/2023 đính kèm bản án.

Giao cho chị Nguyễn Hồng T và cháu Nguyễn Nhật M được cùng đứng tên sử dụng thửa đất số 39 tờ bản đồ số 23 diện tích 421,4m², địa chỉ: Khu 6 xã Tình Cương (nay là khu G, xã H), huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Loại đất chuyên

trồng lúa nước. Thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2063. Trị giá là 31.605.000 đồng (Ba mươi một triệu sáu trăm linh năm nghìn đồng). Theo sơ đồ đo vẽ hiện trạng diện tích đất ngày 24/8/2023 đính kèm bản án.

Chị T, cháu M, Bà A không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ai.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật các bên đương sự có quyền và có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị UBND huyện Cẩm Khê, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì UBND huyện Cẩm Khê căn cứ bản án của Tòa án để điều chỉnh lại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng T về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản đối với các thửa đất:

Thửa đất số 1476 tờ bản đồ số 05 diện tích 120,0m², là loại đất ở nông thôn, địa chỉ thửa đất: Bãi S, xã T (nay là xã H), huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Ngày 26/5/2021 UBND huyện Cẩm Khê cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bình, Bà Ah đổi là thửa đất số 29, tờ bản đồ số 19, diện tích 120,0m², địa chỉ thửa đất: Bãi San Ủi Hanh Cù, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Thửa đất số 1477 tờ bản đồ số 05 diện tích 120,0m², là loại đất ở nông thôn, địa chỉ thửa đất: Bãi S, xã T (nay là xã H), huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Ngày 26/5/2021 UBND huyện Cẩm Khê cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bình, Bà A đổi là thửa đất số 32 tờ bản đồ số 19 diện tích 120m², địa chỉ thửa đất: Bãi S, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ;

Thửa đất số 1478 tờ bản đồ số 05 diện tích 120,0m², là loại đất ở nông thôn, địa chỉ thửa đất: Bãi S, xã T (nay là xã H), huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Ngày 26/5/2021 UBND huyện Cẩm Khê cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị Bích T và anh Phạm Văn B đổi là thửa đất số 33 tờ bản đồ số 19 diện tích 120,0m², địa chỉ thửa đất: Bãi San Ủi Hanh Cù, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ;

Thửa đất số 1479 tờ bản đồ số 05 diện tích 120,0m², là loại đất ở nông thôn, địa chỉ thửa đất: Bãi S, xã Tình Cương (nay là xã H), huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Ngày 26/5/2021 UBND huyện Cẩm Khê cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị Bích T và anh Phạm Văn B đổi là thửa đất số 34 tờ bản đồ số 19 diện tích 120,0m², địa chỉ thửa đất: Bãi San Ủi Hanh Cù, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ;

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị T đối với yêu cầu chia thừa kế đối với Thửa đất số 116a tờ bản đồ số 4b diện tích 296,0m² (trong đó đất ONT là 133,0m², đất LNK là 163,0m²) địa chỉ thửa đất: Khu Xóm Đõ, xã Tình Cương

(nay là xã H), huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM744772 ngày 06/6/2013, đứng tên chủ sử dụng đất bà Bùi Thị Bích A. Ngày 26/5/2021 UBND huyện Cẩm Khê cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thị Bích A đổi là thửa đất số 112 tờ bản đồ số 8 diện tích 393,0m², địa chỉ thửa đất: Khu xóm Đ, nay là xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ, đo đạc thực tế là 355,0m². Do chị T tự nguyện rút yêu cầu. Chị T được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Về chi phí tố tụng:

Về chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: Tổng số tiền chi phí tố tụng là 20.900.000 đồng.

Chị T, cháu M phải chịu 10.450.000 đồng tiền chi phí tố tụng. Chị T, cháu M (Chị T là người đại diện theo ủy quyền cho cháu M) đã nộp đủ số tiền trên.

Anh B, chị A, Bà A phải chịu 10.450.000 đồng tiền chi phí tố tụng. Anh B tự nguyện chịu cả số tiền 10.450.000 đồng.

Hoàn trả cho chị T số tiền 10.450.000 đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê thu của anh B số tiền 10.450.000 đồng để hoàn trả cho chị T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26/9/2024 chị Nguyễn Hồng T là nguyên đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng:

Tuyên bố hợp đồng, giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo, lừa dối, vi phạm điều cấm của luật, không tuân thủ về hình thức đối với: Hồ sơ giao dịch dân sự, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 26, 27 ngày 28/7/2010 giữa bà Bùi Thị Bích Ah và anh Nguyễn Thái B, chị Lại Thị Kiều A; hồ sơ giao dịch dân sự, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 24, 25 ngày 28/7/2010 giữa bà Bùi Thị Bích Ah và anh Phạm Văn B, chị Nguyễn Thị Bích T;

Buộc chia phần di sản thừa kế của anh Nguyễn Thanh T cho chị T và anh Nguyễn Minh N theo quy định của pháp luật đối với các thửa đất:

Thửa đất số 1476 tờ bản đồ số 5 diện tích 120,0m², mục đích sử dụng: Đất ở, thời hạn sử dụng: Lâu dài; nguồn gốc: nhận chuyển nhượng của hộ bà Bùi Thị T đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X764958 ngày 01/07/2004 cho hộ bà: Bùi Thị Bích A. Địa chỉ thửa đất: Khu 5, xã Tình Cương nay là khu San ủi Hanh Cù, xã H, huyện C Phú Thọ;

Thửa đất số 1477 tờ bản đồ số 5 diện tích 120,0m²; Mục đích sử dụng: Đất ở; thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc: nhận chuyển nhượng của hộ ông Nguyễn Văn T đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số: AA 086302 ngày 23/08/2004 cho hộ bà Bùi Thị Bích A. Địa chỉ thửa đất: Khu 6, xã Tình Cương nay là khu San ủi Hanh Cù, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ;

Thửa đất số: 1478 tờ bản đồ số 5 diện tích 120,0m²; Mục đích sử dụng: Đất ở; thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc: nhận chuyển nhượng của hộ ông Nguyễn Văn H2 đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AA 086328 ngày 23/08/2004 cho hộ bà Bùi Thị Bích A. Địa chỉ thửa đất: Khu 6, xã Tình Cương nay là khu San ủi Hanh Cù, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ;

Thửa đất số: 1479 tờ bản đồ số 5 diện tích 120,0m²; Mục đích sử dụng: Đất ở; thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc: nhận chuyển nhượng của hộ ông Nguyễn Văn H2 đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AA 086327 ngày 23/08/2004 cho hộ bà Bùi Thị Bích A. Địa chỉ thửa đất: Khu 6, xã Tình Cương nay là khu San ủi Hanh Cù, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 01/10/2024 chị T có kháng cáo bổ sung: Đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 1476 (nay là thửa số 29), 1477 (nay là thửa số 32), 1478 (nay là thửa số 33) và 1479 (nay là thửa số 34) của hộ bà Bùi Thị Bích A.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, chị Nguyễn Hồng T có đơn đề nghị Tòa án trung cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết của bà Bùi Thị Bích A; anh Nguyễn Thái B; chị Lại Thị Kiều A; anh Phạm Văn B; chị Nguyễn Thị Bích T trong các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa Bà A và anh B, chị A; Bà A và Anh B, Thủy trong các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Ngày 15/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã ra quyết định trung cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ thực hiện việc giám định theo yêu cầu của bà Nguyễn Hồng T.

Tại Kết luận giám định số 643/KL-KTHS ngày 04/6/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ đã kết luận:

5.1- Chữ ký đứng tên Bùi Thị Bích A dưới mục: Bên A (Vợ)” trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A3, A4) so với chữ ký đứng tên Bùi Thị Bích A trên các mẫu so sánh (ký hiệu M2, M3) là do cùng một người viết ra.

5.2- Chữ ký đứng tên Bùi Thị Bích A dưới mục: Bên A (Vợ)” trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A2) với chữ ký đứng tên Bùi Thị Bích A trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M3, M4) là các chữ ký khác dạng nhau, nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra hay không.

5.3- Các chữ Bùi Thị Bích A dưới mục: “Bên A (Vợ)” trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3, A4) so với các chữ Bùi Thị Bích A dưới mục: “Người làm đơn; Ng làm đơn; Người khai” trên mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M3, M4) là do cùng một người viết ra.

5.4- Chữ ký dạng chữ viết "Bình" và các chữ "Nguyễn Thái B", dưới mục: "Bà B (Chồng)" trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký dạng viết “Bình” và các chữ "Nguyễn Thái B" dưới mục: "Người khai; Người giao; Người làm đơn" trên các mẫu so sánh (ký hiệu M5, M6, M7) là không phải do cùng một người ký và viết ra.

5.4- Chữ ký dạng chữ viết "Anh" và các chữ "Thị Kiều A" dưới mục: "Bà B (Vợ)" trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký dạng chữ viết "Anh" và các chữ “Lại Thị Kiều A” dưới mục: "Người làm đơn” trên mẫu so sánh (ký hiệu M7) là không phải do cùng một người ký và viết ra.

5.5- Chữ ký dạng chữ viết "Bính" và các chữ "Phạm Văn B", dưới mục: "Bà B (Chồng)" trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A3, A4) so với chữ ký dạng chữ viết "Bính", và các chữ “Phạm Văn B” dưới mục: "Người làm đơn" trên mẫu so sánh (ký hiệu M8) là không phải do cùng một người ký và viết ra.

5.6- Chữ ký dạng chữ viết "Thủy" và các chữ "Nguyễn Thị Bích T", dưới mục: "Bà B (Vợ)" trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A3, A4) so với chữ ký dạng viết “Thủy” và các chữ "Nguyễn Thị Bích T" dưới mục: "Người làm đơn; Người khai" trên các mẫu so sánh (ký hiệu M8, M9) là không phải do cùng một người ký và viết ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị T là nguyên đơn và là người kháng cáo trình bày: Chị không rút yêu cầu khởi kiện và không thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu kháng cáo. Năm 2005 chị và anh T2 kết hôn. Trước khi kết hôn với anh T2 thì chị có nghe anh T2 kể lại là gia đình anh T2 có các thửa đất số 1476, 1477, 1478 và 1479 tại khu B, xã H, tỉnh Phú Thọ, còn cụ thể thì chị không nhìn thấy các thửa đất này. Sau khi kết hôn chị và anh T2 không sử dụng một trong các thửa đất này. Anh T2 làm nông nghiệp và lái xe cùng với anh B là anh trai của anh T2, trong thời gian anh T2 lái xe cùng với anh B thì anh B không trả tiền công cho anh T2. Nay chị xác định các thửa đất số 1476, 1477, 1478 và 1479 là tài sản chung của Bà A và anh T2, khi các thửa đất này cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đã ghi hộ Bà A, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất thì trong hộ gồm có Bà A và anh T2. Khi Bà A tặng cho những thửa đất này cho anh B chị A, chị T Anh B thì không có sự đồng ý của anh T2 nên việc Bà A tặng cho các thửa đất này là không đúng quy định. Đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất đã cấp cho anh B chị A, chị T Anh B và chia di sản thừa kế đối với các thửa đất này.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, anh Nguyễn Thái B là bị đơn giao nộp: Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 01/11/2005 của UBND huyện Cẩm Khê về việc đưa anh Nguyễn Thanh T vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Biên bản ngày 08/8/2007 về việc bàn giao anh Nguyễn Thanh T sau khi cai nghiện bắt buộc (Bản sao).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu về tố tụng và giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và các bên đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Hồng T về việc yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/ST-DS ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ).

Số tiền chi phí giám định chữ viết tại cấp phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của chị T không được chấp nhận nên phải chịu toàn bộ số tiền chi phí giám định chữ viết tại cấp phúc thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của chị Nguyễn Hồng T không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo: Khi Tòa án sơ thẩm xét xử và tuyên án thì chị T có mặt. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T đã kháng cáo bản án. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị T kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Vắng mặt những người tham gia tố tụng: Anh B là bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan là Bà A, anh T, chị Q và chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Anh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh B và chị T.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/ST-DS ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về giải quyết chia di sản thừa kế là các thửa đất số 1476 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 29 tờ bản đồ số 19), thửa đất số 1477 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 32 tờ bản đồ số 19), thửa đất số 1478 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 33 tờ bản đồ số 19) và thửa đất số 1479 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 34, tờ bản đồ số 19) tại khu B, xã H, tỉnh Phú Thọ. Chị T không đồng ý bản án dân sự sơ thẩm về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T đối với yêu cầu chia di sản thừa kế các thửa đất này nên kháng cáo bản án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất, nội dung hồ sơ các thửa đất thể hiện như sau:

Thửa đất số 1476 tờ bản đồ số 05 diện tích 120,0m² tại Bãi khu San Ủi Hanh Cù, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ là của chị Bùi Thị T đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00820 ngày 28/8/2003. Ngày 20/3/2004 chị T tính chuyển nhượng thửa đất này cho Bà A với giá là 4.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng hai bên đã lập hợp đồng chuyển nhượng và được UBND xã Tình Cương chứng thực. Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bên chuyển nhượng đất là chị Bùi Thị T và bên nhận chuyển nhượng đất là bà Bùi Thị Bích A. Ngày 01/7/2004 UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã ghi người sử dụng đất là hộ bà Bùi Thị Bích A. Ngày 28/7/2010 Bà A tặng cho anh B chị A thửa đất này. Khi tặng cho hai bên đã lập hợp đồng tặng cho và được UBND xã chứng thực. Ngày 18/10/2010 anh B chị A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số thửa là 1476 tờ bản đồ số 05 diện tích 120,0m². Ngày 26/5/2021 anh B chị A được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã đổi thửa đất số 1476 tờ bản đồ số 05 thành thửa đất số 29 tờ bản đồ số 19.

Thửa đất số 1477 tờ bản đồ số 05 diện tích 120,0m² tại khu B, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ là của anh Nguyễn Văn T đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00819 ngày 28/8/2003. Ngày 20/3/2004 anh Tuấn chuyển nhượng thửa đất này cho Bà A với giá là 4.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng hai bên đã lập hợp đồng chuyển nhượng và được UBND xã Tình Cương chứng thực. Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bên chuyển nhượng đất là anh Nguyễn Văn T và bên nhận chuyển nhượng đất là bà Bùi Thị Bích A. Ngày 23/8/2004 UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã ghi người sử dụng đất là hộ bà Bùi Thị Bích A. Ngày 28/7/2010 Bà A tặng cho anh B chị A thửa đất này. Khi tặng cho hai bên đã lập

hợp đồng và được UBND xã chứng thực. Ngày 18/10/2010 anh B chị A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số thửa là 1477 tờ bản đồ số 05 diện tích 120,0m². Ngày 26/5/2021 anh B chị A được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã đổi thửa đất số 1477 tờ bản đồ số 05 thành thửa đất số 32 tờ bản đồ số 19.

Thửa đất số 1478 tờ bản đồ số 05 diện tích 120,0m² tại khu B, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ là của anh Nguyễn Văn H2 đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00818 ngày 28/8/2003. Ngày 20/3/2004 anh H2 chuyển nhượng thửa đất này cho Bà A với giá là 4.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng hai bên đã lập hợp đồng chuyển nhượng và được UBND xã chứng thực. Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bên chuyển nhượng đất là anh Nguyễn Văn H2 và bên nhận chuyển nhượng đất là bà Bùi Thị Bích A. Ngày 23/8/2004 UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã ghi người sử dụng đất là hộ bà Bùi Thị Bích A. Ngày 28/7/2010 Bà A tặng cho Anh B chị T thửa đất này. Khi tặng cho hai bên đã lập hợp đồng và được UBND xã chứng thực. Ngày 18/10/2010 Anh B chị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số thửa là 1478 tờ bản đồ số 05 diện tích 120,0m². Ngày 26/5/2021 Anh B chị T được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã đổi thửa đất số 1478 tờ bản đồ số 05 thành thửa đất số 33 tờ bản đồ số 19.

Thửa đất số 1479 tờ bản đồ số 05 diện tích 120,0m² tại khu B, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ là của anh Nguyễn Văn H2 đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00817 ngày 28/8/2003. Ngày 20/3/2004 anh H3 chuyển nhượng thửa đất này cho Bà A với giá là 4.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng hai bên đã lập hợp đồng chuyển nhượng và được UBND xã chứng thực. Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bên chuyển nhượng đất là anh Nguyễn Văn H2 và bên nhận chuyển nhượng đất là bà Bùi Thị Bích A. Ngày 23/8/2004 UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã ghi người sử dụng đất là hộ bà Bùi Thị Bích A. Ngày 28/7/2010 Bà A tặng cho Anh B chị T thửa đất này. Khi tặng cho hai bên đã lập hợp đồng tặng cho và được UBND xã chứng thực. Ngày 18/10/2010 Anh B chị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số thửa là 1479 tờ bản đồ số 05 diện tích 120,0m². Ngày 26/5/2021 Anh B chị T được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã đổi thửa đất số 1479 tờ bản đồ số 05 thành thửa đất số 34 tờ bản đồ số 19.

Theo Công văn số 80/VP-UBND ngày 04/8/2023 của UBND xã H và Công văn số 187/CV-CAX ngày 03/8/2023 của Công an xã H, hộ khẩu của gia đình bà Bùi Thị Bích A từ ngày 04/5/1999 đến ngày 13/5/2011 hiện được lưu trữ tại 03 sổ lưu (02 sổ lưu trữ tại Công an huyện Cẩm Khê, 01 sổ lưu trữ tại Công an xã H). Trong sổ lưu 2: Sổ hộ khẩu tập số 06 xã Tình Cương mở ngày 10/5/2002 không

ghi ngày kết thúc, thông tin hộ gia đình bà Bùi Thị Bích A gồm có bà Bùi Thị Bích A và con trai là anh Nguyễn Thanh T, đến ngày 31/5/2005 anh Nguyễn Thanh T đã tách hộ riêng. Như vậy, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Bùi Thị Bích A thì trong hộ có Bà A và anh T2.

Theo các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Tính và Bà A, giữa anh Tuấn và Bà A, giữa anh H2 và Bà A, giữa anh H3 và Bà A thì bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ có tên bà Bùi Thị Bích A, nhưng khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi tên người sử dụng đất là hộ bà Bùi Thị Bích A.

Tòa án tiến hành xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai Cẩm Khê và UBND xã H, nội dung xác minh thể hiện là các thửa đất số 1476, thửa đất số 1477, thửa đất số 1478 và thửa đất số 1479 tờ bản đồ số 5 tại khu B, xã H, tỉnh Phú Thọ là quyền sử dụng của bà Bùi Thị Bích A.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của những người chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Bà A đều khẳng định là các anh chị được tiêu chuẩn cấm đất nhưng không có tiền nộp nên đã vay tiền của anh B, chị T để nộp. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không có tiền trả cho anh B, chị T nên đã chuyển nhượng thửa đất này cho anh B, chị T. Do anh B, chị T đề nghị làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Bà A nên các anh chị đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Bà A. Lời khai này của các đương sự là phù hợp nhau.

Chị T cho rằng chữ ký của Bà A, anh B, chị A, Anh B và chị T trong các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là không phải chữ ký và chữ viết của Bà A, anh B, chị A, Anh B và chị T nên đã đề nghị giám định những chữ ký và chữ viết này. Tại bản kết luận giám định số 643/KL-KTHS ngày 04/6/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ đã kết luận, những chữ ký và chữ viết trong các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, bên tặng cho là chữ ký và chữ viết của Bà A, bên nhận tặng cho không phải là những chữ ký và chữ viết của anh B, chị A, Anh B và chị T nhưng Bà A vẫn thể hiện ý chí là bà đã lập hợp đồng tặng cho anh B, chị A, Anh B và chị T những thửa đất này.

Chị T xác định là trước khi anh T2 kết hôn với chị Thì anh T2 làm nông nghiệp, anh B là anh trai của anh T2 làm nghề kinh doanh vận tải ô tô khách nên anh T2 lái xe ô tô cho anh B nhưng anh B không trả tiền lương cho anh T2. Chị T cho rằng anh T2 là chồng chị có công sức đóng góp đối với các thửa đất số 1476, 1477, 1478 và 1479 nhưng không có tài liệu nào chứng minh. Theo quy định tại Điều 6 và Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị T phải có nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nhưng không có tài liệu nào chứng minh.

Theo Điều 118 Bộ luật Dân sự năm 1995 quy định tài sản chung của hộ gia đình: “Tài sản chung của hộ gia đình gồm tài sản do các thành viên cùng nhau tạo lập nên hoặc được tặng cho chung và các tài sản khác mà các thành viên thoả thuận là tài sản chung của hộ; Quyền sử dụng đất hợp pháp của hộ gia đình cũng là tài sản chung của hộ”.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Đất đai năm 2003 quy định người sử dụng đất: “Hộ gia đình, cá nhân trong nước (sau đây gọi chung là hộ gia đình, cá nhân) được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất”.

Căn cứ quy định của Bộ luật Dân sự năm 1995 và Luật Đất đai năm 2003, giữa anh T2 và Bà A không có văn bản thỏa thuận nào về các thửa đất số 1476, 1477, 1478 và 1479 là tài sản chung của Bà A và anh T2, các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là chỉ có một mình Bà A là người nhận chuyển nhượng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định các thửa đất số 1476 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 29 tờ bản đồ số 19), thửa đất số 1477 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 32 tờ bản đồ số 19), thửa đất số 1478 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 33 tờ bản đồ số 19) và thửa đất số 1479 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 34, tờ bản đồ số 19) tại khu B, xã H, tỉnh Phú Thọ là tài sản của bà Bùi Thị Bích A là đúng

Căn cứ vào Điều 612 Bộ luật Dân sự năm 2015, các thửa đất số 1476 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 29 tờ bản đồ số 19), thửa đất số 1477 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 32 tờ bản đồ số 19), thửa đất số 1478 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 33 tờ bản đồ số 19) và thửa đất số 1479 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 34, tờ bản đồ số 19) tại khu B, xã H, tỉnh Phú Thọ không phải là di sản thừa kế của anh Nguyễn Thanh T để lại nên chị Nguyễn Thanh Tâm không có quyền yêu cầu chia di sản thừa kế đối với các thửa đất này.

Thời điểm UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh B chị A, Anh B chị T thì thửa đất không có tranh chấp hoặc bị kê biên, các thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên UBND huyện Cẩm Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất này là đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về chia di sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất số 1476 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 29 tờ bản đồ số 19), thửa đất số 1477 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 32 tờ bản đồ số 19), thửa đất số 1478 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 33 tờ bản đồ số 19) và thửa đất số 1479 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 34, tờ bản đồ số 19) tại khu B, xã H, tỉnh Phú Thọ là đúng nên không chấp nhận kháng cáo của chị T. Vì vậy, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DSST ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê.

[3] Những nội dung khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Đối với số tiền chi phí giám định chữ viết tại cấp phúc thẩm: Xét thấy kháng cáo của chị T không được chấp nhận nên chị T phải chịu số tiền chi phí giám định chữ viết. Chị T đã nộp số tiền chi phí giám định chữ viết nên xác nhận chị T đã nộp đủ.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của chị T không được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Hồng T về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế đối với các thửa đất số 1476 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 29 tờ bản đồ số 19), thửa đất số 1477 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 32 tờ bản đồ số 19), thửa đất số 1478 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 33 tờ bản đồ số 19) và thửa đất số 1479 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 34, tờ bản đồ số 19) tại khu B, xã H, tỉnh Phú Thọ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/ST-DS ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ).

2. Số tiền chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự. Buộc chị Nguyễn Hồng T phải chịu toàn bộ số tiền chi phí giám định chữ viết là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Xác nhận chị Nguyễn Hồng T đã nộp đủ tiền.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Hồng T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004949 ngày 27/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 - Phú Thọ). Chị Nguyễn Hồng T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND khu vực 6 - Phú Thọ;
- VKSND khu vực 6 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Khắc Chiên